

**BỘ BƯU CHÍNH,  
VIỄN THÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2005/QĐ-BBCVT

*Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2005*

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG**  
**Điều chỉnh các quy định tạm thời về quản lý cước kết cuối, hạn**  
**mức lưu lượng điện thoại IP quốc tế chiều đến Việt Nam**

**BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG**

*Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Bưu chính, Viễn thông;*

*Căn cứ Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**

1. Cước kết cuối (Termination charge) điện thoại IP quốc tế của dịch vụ điện thoại IP quốc tế chiều đến Việt Nam là mức cước mà các nhà khai thác nước ngoài trả cho các doanh nghiệp Việt

Nam được phép cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế để thực hiện việc kết cuối cuộc gọi tại Việt Nam.

2. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế được chủ động đàm phán, thỏa thuận mức cước kết cuối điện thoại IP quốc tế với các đối tác nước ngoài trên cơ sở mức sàn định hướng đối với cước kết cuối điện thoại IP quốc tế do Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định.

3. Mức sàn định hướng đối với cước kết cuối điện thoại IP quốc tế áp dụng từ 01/6/2005 là 0,17 USD/phút, không phân biệt cuộc gọi đến mạng cố định hay mạng di động tại Việt Nam. Trên cơ sở mức cước này, các doanh nghiệp đàm phán, thỏa thuận với các đối tác nước ngoài mức cước kết cuối điện thoại quốc tế cụ thể nhưng không được thấp hơn mức sàn định hướng do Bộ Bưu chính, Viễn thông quy định.

**Điều 2.**

1. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế được phân bổ hạn mức lưu lượng điện thoại IP quốc tế đến Việt Nam trên cơ sở số POP phát triển tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như sau:

- Từ 1 đến 4 POP: 4 triệu phút/tháng;
- Từ 5 đến 8 POP: 5 triệu phút/tháng;
- Từ 9 đến 12 POP: 7 triệu phút/tháng;
- Từ 13 đến 18 POP: 9 triệu phút/tháng;
- Từ 19 đến 25 POP: 11 triệu phút/tháng;
- Từ 26 đến 30 POP: 12 triệu phút/tháng;
- Từ 31 đến 35 POP: 13 triệu phút/tháng;
- Từ 36 POP trở lên: 14 triệu phút/tháng;

Riêng tháng 01 hàng năm, hạn mức lưu lượng được tăng thêm 30%.

2. Hạn mức lưu lượng quy định tại Khoản 1 của Điều này được áp dụng cho mọi doanh nghiệp và tính chung cho mọi lưu lượng điện thoại IP chiều quốc tế đến Việt Nam của doanh nghiệp, không phân biệt lưu lượng này kết cuối tại mạng cố định hay di động, tại các tỉnh doanh nghiệp cung cấp điện thoại IP quốc tế đã phát triển POP hay chưa phát triển POP.

3. Các doanh nghiệp báo cáo Bộ Bưu chính, Viễn thông về số lượng các POP

đang khai thác và việc đưa các POP mới vào hoạt động để Bộ Bưu chính, Viễn thông định kỳ công bố cho các doanh nghiệp.

4. Các doanh nghiệp được phép chủ động bù trừ lưu lượng trong hạn mức giữa các tháng trong quý (tính theo năm dương lịch từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12).

5. Căn cứ vào biến động tổng lưu lượng điện thoại quốc tế (IP và PSTN) về Việt Nam, căn cứ số lượng doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế, Bộ Bưu chính, Viễn thông công bố việc tăng hoặc giảm hạn mức phù hợp với sự biến động của thị trường.

**Điều 3. Cước kết nối bổ sung.**

1. Đối với lưu lượng điện thoại IP quốc tế chiều đến Việt Nam vượt hạn mức (tính theo quý), ngoài cước kết nối cơ bản theo các quy định hiện hành, các doanh nghiệp cung cấp điện thoại IP quốc tế phải trả cước kết nối bổ sung với các mức cụ thể như sau:

+./ 17 cents đối với phần lưu lượng vượt hạn mức với mức vượt đến 10%.

+./ 20 cents đối với phần lưu lượng vượt hạn mức với mức vượt từ trên 10% đến 20%.

+./ 25 cents đối với phần lưu lượng vượt hạn mức với mức vượt từ trên 20% đến 30%.



+./ 28 cents đối với phân lưu lượng vượt hạn mức với mức vượt trên 30%.

2. Cơ chế quản lý, thu nộp các khoản cước kết nối bổ sung được thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

**Điều 4. Báo cáo lưu lượng.**

1. Chậm nhất là vào ngày 20 hàng tháng, các doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo Bộ Bưu chính, Viễn thông các số liệu lưu lượng điện thoại quốc tế mạng PSTN và IP chiều Việt Nam đi quốc tế và chiều quốc tế đến Việt Nam đối với các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, mạng chuyên dùng và mạng di động toàn quốc của tháng trước đó. Doanh nghiệp không báo cáo đầy đủ và đúng hạn sẽ bị giảm trừ hạn mức lưu lượng của tháng tiếp theo tháng báo cáo với mức là 3%.

2. Trên cơ sở báo cáo của doanh nghiệp,

Bộ Bưu chính, Viễn thông định kỳ hàng quý công bố lưu lượng điện thoại quốc tế mạng PSTN và điện thoại IP quốc tế chiều Việt Nam đi quốc tế và chiều quốc tế đến Việt Nam.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/6/2005. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông, Tổng Giám đốc, Giám đốc các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại IP quốc tế và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,

VIỄN THÔNG

*Thủ trưởng*

**Lê Nam Thắng**